

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2025

V/v: Ly hôn, t/c về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Thanh

2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Kiên Thị Diệu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị D, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Thạch Đ, sinh 1984. Địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Con chung:

Cháu Thạch Minh H, sinh ngày 12/4/2008

Cháu Thạch Minh H1, sinh ngày 14/9/2010

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2025 nguyên đơn bà Sơn Thị D yêu cầu:

Về hôn nhân, bà và ông Thạch Đ quen biết và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2007. Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không hoà giải hàn gắn được bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Thạch Đ có 02 con chung là Thạch Minh H sinh ngày 12/4/2008 và Thạch Minh H1 sinh ngày 14/9/2010. Bà yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung (quyền, nghĩa vụ tài sản chung), bà cho rằng không có nên không yêu cầu.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Sơn Thị D cho rằng:

Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn nguyên nhân do trước đây bà từng bị bệnh khớp không tự đi lại được nên ông Đ bỏ bê bà không quan tâm, chăm sóc và cách nay khoảng 01 năm thì ông Đ bỏ nhà đi đến nay không về, thời gian đầu còn liên lạc gọi điện thoại cho 02 con, khoảng vài tháng nay không gọi mà còn chặn cuộc gọi của 02 con nên bà không yêu cầu đoàn tụ.

Bà vẫn giữ yêu cầu nuôi 02 con chung Thạch Minh H sinh ngày 12/4/2008, Thạch Minh H1 sinh ngày 14/9/2010 và không yêu cầu cấp dưỡng. Vì hiện nay 02 con đã nghỉ học và đi làm tại Bình Dương tự nuôi được bản thân, bà cũng đi theo 02 con để nấu cơm, làm việc nhà và chăm sóc 02 con.

Tài sản chung, nợ chung, bà vẫn khai xác nhận không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt cùng ngày 08/6/2025 bị đơn ông Thạch Đ trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, ông thừa nhận tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với bà Sơn Thị D tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2007. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được và hai người ly thân đã hơn 07 năm nên ông đồng ý ly hôn theo bà D yêu cầu.

Về con chung, ông thừa nhận ông và bà Sơn Thị D có 02 (hai) con chung là Thạch Minh H sinh ngày 12/4/2008 và Thạch Minh H1 sinh ngày 14/9/2010, ông đồng ý giao 02 con cho bà D nuôi và không cấp dưỡng cho 02 con do bà D không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung (quyền, nghĩa vụ tài sản chung), ông thống nhất theo bà D khai cho rằng không có nên không yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khi ly hôn. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Tại ý kiến của cháu Thạch Minh H và Thạch Minh H1 (đủ 07 tuổi trở lên) trình bày nguyện vọng, tự nguyện yêu cầu được ở với mẹ là bà Sơn Thị D khi cha mẹ ly hôn.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn gửi hồ sơ vụ án cùng quyết định đưa vụ án ra xét xử không đúng quy định tại Điều

220 của Bộ luật tố tụng dân sự, gửi trễ 07 ngày. Đối với đương sự thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Bà D và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp. Họ chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và qua xác minh thể hiện ông bà đã ly thân hơn 07 năm. Nhận thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, ông Đ đồng ý ly hôn và đồng ý giao 02 con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng theo bà D yêu cầu và nguyện vọng của 02 con; về cấp dưỡng do bà D không yêu cầu. Riêng về tài sản chung và nợ chung không có nên đương sự cũng không yêu cầu.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Sơn Thị D ly hôn với ông Thạch Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Thạch Minh H sinh ngày 12/4/2008 và Thạch Minh H1 sinh ngày 14/9/2010 cho bà Sơn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con.

Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà D chịu án phí ly hôn theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Kiến nghị việc gửi hồ sơ vụ án cùng quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Sơn Thị D khởi kiện ông Thạch Đ có nơi cư trú tại ấp S, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp S, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung. Nhận thấy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Toà án nhân dân Khu vực A - Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án, cũng như xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nhận thấy, căn cứ vào điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, bà D và ông Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 45 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy

ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 04/4/2007 (bút lục 06). Nhận thấy, hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Bà D cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, do ông Đ vắng mặt nên Tòa án có động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục bà D hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành, bà D kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn và giữ yêu cầu nuôi 02 con chung. Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt (bút lục 25 và 26) ông Đ tự nguyện đồng ý ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho bà D tiếp tục nuôi sau khi ly hôn. Nhận thấy, căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho bà D và ông Đ ly hôn.

[5] Đối với cháu Thạch Minh H, Thạch Minh H1. Qua giấy khai sinh (bút lục 04 và 05) thể hiện hai cháu đã từ 07 tuổi trở lên và có ý kiến trình bày nguyện vọng tự nguyện yêu cầu ở với bà D (bút lục 45). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có giải thích cho bà D quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con tại các điều 82, 83, 107 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng đương sự xác định không yêu cầu cấp dưỡng. Nhận thấy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung và nguyện vọng của các cháu, có cơ sở giao cháu Thạch Minh H, Thạch Minh H1 cho bà D trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn.

[6] Quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, đương sự cùng khai xác nhận không có, đồng thời không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì khác nên không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán gửi hồ sơ vụ án cùng quyết định đưa vụ án ra xét xử trễ so với thời hạn quy định là chưa đảm bảo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhận thấy, phát biểu của Kiểm sát viên là đúng nên Thẩm phán cần nghiêm túc rút nghiệm và khắc phục triệt để. Đối với phát biểu đề nghị việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho bà Sơn Thị D ly hôn với ông Thạch Đ

2. Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao 02 (hai) con chung cháu Thạch Minh H sinh ngày 12/4/2008 và cháu Thạch Minh H1 sinh ngày 14/9/2010 cho bà Sơn Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của 02 (hai) cháu có yêu cầu được ở với bà Sơn Thị D.

Về cấp dưỡng cho con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết (sau khi ly hôn đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về án phí:

Buộc bà Sơn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0014618 ngày 06/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Ông Thạch Đ không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kim Thị Hồng Nga